

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Khánh Loan.

Bà Hoàng Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:*
Ông Trương Tùng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nguyệt T, sinh năm 1993, nơi thường trú: K, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn T1, sinh năm 1993, nơi thường trú: B, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Nguyệt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **T1** kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Mai Tấn L**, sinh ngày 23/11/2015 và **Mai Bảo N**, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật về thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách đương sự, thủ tục tố tụng đã được Tòa án xác định và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh **T1**. Cho chị **T** được ly hôn với anh **T1**. Về con chung, giao 02 con chung cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh **T1** không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết, tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị **T** khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn thường trú tại địa chỉ phường H, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo các quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Chị **T** và anh **T1** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 103/2014, quyển số 01/2014 nên việc kết hôn là hợp pháp theo các quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[4.2] Chị **T** trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh **T1** đến Tòa án làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh **T1** vắng mặt, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình. Kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị **T** và anh **T1** không còn chung sống với nhau. Do vậy đủ căn cứ để kết luận hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị **T** ly hôn anh **T1**.

[4.3] Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Mai Tấn L**, sinh ngày 23/11/2015 và **Mai Bảo N**, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn, chị **T** xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, kết quả xác minh tại địa phương thì chị **T** là người đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chăm lo việc ăn học của các con; cháu **L** có bản tự khai có nguyện vọng được sống cùng với chị **T**; chị **T** đang làm việc tại Công ty TNHH S và có mức lương hàng tháng là 7.799.260 đồng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị **T** không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh **T1** không có lời khai, yêu cầu về tài sản chung, nợ chung. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết; tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002230 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị **T** đã nộp xong án phí.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Nguyệt T** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh **Mai Văn T1**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Nguyệt T** được ly hôn anh **Mai Văn T1**.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Mai Tấn L**, sinh ngày 23/11/2015 và **Mai Bảo N**, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn, giao 02 cháu **Mai Tấn L** và **Mai Bảo N** cho chị **Lê Thị Nguyệt T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh **Mai Văn T1** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết, tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002230 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị **T** đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Hóa An, thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Học